




# Màn Hình Chơi Game Dáng Cong Dell -S2721HGF

## Cẩm Nang Hướng Dẫn Sử Dụng

Model: S2721HGF  
Model tiêu chuẩn: S2721HGFt



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc chết người.

**\*Bản quyền © 2020 Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Bảo lưu mọi bản quyền.** Dell, EMC và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Các nhãn hiệu khác có thể là của các chủ sở hữu tương ứng.

# Nội dung

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Hướng Dẫn An Toàn</b> . . . . .                                   | <b>5</b>  |
| <b>Giới thiệu về màn hình của bạn</b> . . . . .                      | <b>6</b>  |
| Thành phần của gói hàng . . . . .                                    | 6         |
| Tính năng sản phẩm . . . . .   | 8         |
| Nhận biết các bộ phận và hệ thống điều khiển . . . . .               | 9         |
| Mặt trước . . . . .  | 9         |
| Mặt sau . . . . .  | 10        |
| Mặt dưới . . . . .   | 11        |
| <b>Thông số kỹ thuật màn hình</b> . . . . .                          | <b>12</b> |
| Thông số kỹ thuật độ phân giải . . . . .                             | 13        |
| Chế độ hiển thị cài sẵn . . . . .                                    | 14        |
| Thông số kỹ thuật điện . . . . .                                     | 15        |
| Đặc điểm vật lý . . . . .  | 16        |
| Đặc điểm môi trường . . . . .  | 17        |
| Cách gắn châu cắm . . . . .  | 18        |
| <b>Cắm và Chạy</b> . . . . .   | <b>20</b> |
| <b>Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD</b> . . . . .      | <b>20</b> |
| <b>Phù hợp cơ địa</b> . . . . .                                      | <b>21</b> |
| <b>Xử lý và di chuyển màn hình của bạn</b> . . . . .                 | <b>23</b> |
| <b>Hướng dẫn bảo dưỡng</b> . . . . .                                 | <b>24</b> |
| Vệ sinh màn hình của bạn . . . . .                                   | 24        |
| <b>Lắp đặt màn hình</b> . . . . .                                    | <b>25</b> |
| <b>Lắp giá đỡ</b> . . . . .  | <b>25</b> |
| <b>Sử dụng phụ kiện mở rộng chỉnh nghiêng và chỉnh dọc</b> . . . . . | <b>28</b> |
| <b>Kết Nối Màn Hình Của Bạn</b> . . . . .                            | <b>29</b> |
| <b>Xếp gọn dây cáp</b> . . . . .                                     | <b>30</b> |
| <b>Cố định màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)</b> . . . . .    | <b>30</b> |
| <b>Tháo giá đỡ màn hình</b> . . . . .                                | <b>31</b> |
| <b>Treo Tường (Tùy chọn)</b> . . . . .                               | <b>32</b> |



|   |            |
|---|------------|
| <b>Sử dụng màn hình</b> . . . . .   | <b>33</b>  |
| Bật màn hình . . . . .  | .33        |
| Dùng phím điều khiển . . . . .  | .33        |
| Dùng nút điều khiển phía sau . . . . .  | .34        |
| <b>Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)</b> . . . . .                                      | <b>.36</b> |
| Truy cập menu hệ thống . . . . .  | 36         |
| Thông tin cảnh báo OSD . . . . .  | 47         |
| Khóa các nút điều khiển phía sau . . . . .  | 50         |
| Cài đặt độ phân giải tối đa . . . . .   | 51         |
| <b>Khắc phục sự cố</b> . . . . .  | <b>52</b>  |
| Tự kiểm tra . . . . .   | .52        |
| Chẩn đoán tích hợp . . . . .  | .54        |
| Các sự cố thường gặp . . . . .  | .55        |
| Sự Cố của Từng Sản Phẩm Cụ Thể . . . . .  | .57        |
| <b>Phụ Lục</b> . . . . .  | <b>58</b>  |
| Các thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác . . . . .                       | .58        |
| Liên hệ với Dell . . . . .  | .58        |
| Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm: . . . . . | .58        |



# Hướng Dẫn An Toàn



**CẢNH BÁO: Nếu điều khiển, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác không giống như nêu trong hướng dẫn này có thể sẽ khiến cho sản phẩm bị sốc, chập điện và/hoặc hỏng cơ học.**

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và xử lý cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va đập mạnh.
- Cần đảm bảo màn hình có định mức dòng điện tương ứng với nguồn AC tại nơi sử dụng.
- Giữ màn hình ở nhiệt độ phòng. Lạnh hoặc nóng quá mức có thể tác động xấu đến thành phần tinh thể lỏng của màn hình.
- Không để màn hình bị rung lắc hoặc va đập mạnh. Ví dụ, không đặt màn hình bên trong cốp xe.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một khoảng thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không tháo nắp hoặc chạm vào bên trong màn hình.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem mục Thông Tin An Toàn, Môi Trường và Quy Định (SERI).



# Giới thiệu về màn hình của bạn


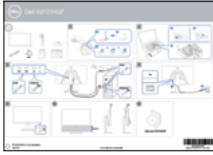

## Thành phần của gói hàng

Màn hình của bạn được vận chuyển kèm theo các linh kiện được liệt kê trong bảng dưới đây. Nếu thiếu bất kỳ linh kiện nào, vui lòng liên hệ với Dell. Để biết thêm thông tin, vui lòng [Liên hệ với Dell](#).

**LƯU Ý:** Một số linh kiện là không bắt buộc và có thể không được gửi kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

|   |  |
|---|--|
|    | Hiển thị                               |
|   | Giá đỡ                                 |
|  | Chân đế                                |
|  | Cáp điện (khác nhau tùy từng quốc gia) |



|   |   |
|---|---|
|   | <p>Cáp HDMI</p>   |
|   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Cẩm Nang Hướng Dẫn Khởi Động Nhanh</li><li>• Thông tin về an toàn, môi trường và quy định</li></ul> |



# Tính năng sản phẩm

Màn hình **Dell S2721HGF** được tích hợp công nghệ hoạt động dạng ma trận, bóng bán dẫn dạng màng mỏng (TFT), là dạng Màn Hình Tinh Thể Lỏng (LCD), và có đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

- phạm vi hiển thị 68,47 cm (27 in.) (Đo theo đường chéo), độ phân giải 1920 x 1080 (16: 9), có hỗ trợ hiển thị toàn màn hình ở độ phân giải thấp hơn.
  - Gam màu 72% NTSC, CIE 1931, và 83% NTSC, CIE 1976.
  - Kết nối dạng số với DisplayPort và HDMI.
  - Có thể điều chỉnh độ nghiêng và chiều cao.
  - Có các lỗ treo 100mm theo đúng tiêu chuẩn của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Video Điện Tử (VESA™) và các giá đỡ tháo lắp dễ dàng để thuận tiện cho việc lắp đặt.
  - Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm và Chạy) nếu hệ thống của bạn hỗ trợ.
  - Có các nút điều chỉnh Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
  - Hỗ trợ các tính năng game nâng cao ví dụ như Hẹn Giờ, Đếm Tốc Độ Khung Hình và Ổn Định Ánh Sáng Yếu bên cạnh các chế độ game nâng cao khác như FPS, MOBA/RTS, SPORTS hoặc RPG và 3 chế độ game bổ sung, giúp bạn tùy biến được các tùy chọn của mình.
  - Khóa các nút nguồn và OSD.
  - Khe khóa an toàn.
  - Chốt giá đỡ
  - ≤ 0.3 W Ở chế độ Standby.
  - Sản phẩm được Chứng Nhận Tương Thích NVIDIA® G-SYNC® và hỗ trợ công nghệ AMD FreeSync™ Premium giúp giảm thiểu hiện tượng méo đồ họa ví dụ như giật hoặc trễ, để từ đó cho hiệu ứng chơi game mượt mà hơn và ổn định hơn.
  - Cho phép Thay Đổi Bảng Điều Khiển Miễn Phí để bạn yên tâm sử dụng.
  - Mắt được thoải mái tối ưu do màn hình không nhấp nháy và được tích hợp tính năng ComfortView giúp giảm thiểu phát xạ ánh sáng xanh.
- ⚠ CẢNH BÁO: Ánh sáng xanh từ màn hình về lâu dài có thể gây hại cho mắt, ví dụ như gây mỏi mắt hoặc khô mắt do thiết bị số. Tính năng ComfortView (Dịu Mắt) được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm làm dịu mắt tối ưu cho người sử dụng.**





# Nhận biết các bộ phận và hệ thống điều khiển

## Mặt trước



| Nhãn | Mô Tả             | Sử dụng   |
|------|-------------------|---|
| 1    | Đèn LED báo nguồn | Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Standby. |



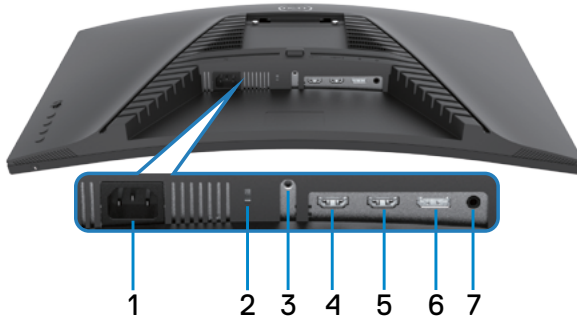
## Mặt sau



| Nhãn | Mô Tả  | Sử dụng   |
|------|--|---|
| 1    | Các lỗ lắp VESA (nắp VESA đính kèm phía sau 100 mm x 100 mm) | Màn hình treo tường sử dụng bộ giá treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm).   |
| 2    | Nhãn theo quy định   | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.   |
| 3    | Nút nhả giá đỡ   | Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình.  |
| 4    | Phím điều khiển  | Dùng để điều khiển menu OSD.  |
| 5    | Các nút chức năng  | Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">Sử dụng màn hình</a> .   |
| 6    | Mã vạch, số xê-ri và nhãn Thẻ Dịch Vụ                        | Xem nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ Dịch Vụ là thẻ thông tin duy nhất gồm cả chữ và số giúp chuyên viên kỹ thuật của Dell nhận biết được các phụ kiện phần cứng có trong máy tính của bạn và tìm thông tin bảo hành. |
| 7    | Khe quản lý cáp  | Được sử dụng để sắp xếp các dây cáp bằng cách luồn qua khe.   |



## Mặt dưới



| Nhãn | Mô Tả              | Sử dụng  |
|------|--------------------|--|
| 1    | Kết nối nguồn điện | Nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn)                          |
| 2    | Khe khóa an toàn   | Bảo vệ màn hình bằng khóa cáp an toàn (bán riêng).                   |
| 3    | Chốt giá đỡ        | Chốt cố định giá đỡ vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (vít bán riêng). |
| 4    | Cổng HDMI (HDMI 1) | Nối máy tính của bạn với cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).    |
| 5    | Cổng HDMI (HDMI 2) | Nối máy tính của bạn với cáp nguồn (đi kèm với màn hình của bạn).    |
| 6    | DisplayPort        | Kết nối với máy tính của bạn bằng cáp DisplayPort.                   |
| 7    | Cổng tai nghe      | Kết nối tai nghe   |



# Thông số kỹ thuật màn hình

|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| Loại màn hình                     | Active matrix - TFT LCD  |
| Loại panel                        | VA   |
| Tỷ lệ khung hình                  | 16:9   |
| Kích thước hình ảnh hiển thị      |  |
| Chéo                              | 684,70 mm (27 in.)   |
| Vùng hiệu dụng                    |  |
| Ngang                             | 596,74 mm (23,49 in.)  |
| Dọc                               | 335,66 mm (13,21 in.)  |
| Diện tích                         | 200301,70 mm <sup>2</sup> (310,30 in. <sup>2</sup> )   |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh     | 0,3108 mm x 0,3108 mm  |
| Điểm ảnh / inch (PPI)             | 81,59  |
| Góc nhìn                          |  |
| Ngang                             | 178° (tiêu chuẩn)  |
| Dọc                               | 178° (tiêu chuẩn)  |
| Độ sáng                           | 350 cd/m <sup>2</sup> (tiêu chuẩn)   |
| Hệ số tương phản                  | 3000 to 1 (tiêu chuẩn)   |
| Độ cong                           | Độ cong 1500R  |
| Lớp phủ màn hình hiển thị         | Được xử lý tráng lóa bằng lớp mạ cứng phân cực phía trước (3H)   |
| Đèn nền                           | Hệ thống đèn viền LED  |
| Thời gian phản hồi (Theo màu xám) | 8 ms (chế độ Fast)<br>6 ms (chế độ SuperFast)<br>4 ms (chế độ Extreme)<br>1 ms (MPRT Extreme)<br>LƯU Ý: Ở chế độ Extreme, có thể xuất hiện các lỗi nhỏ do vượt quá tốc độ và phản ứng nhanh. Dùng chế độ SuperFast/Fast để có trải nghiệm chơi game và chất lượng màn hình tối ưu. |
| Độ sâu màu                        | 16,7 triệu màu   |
| Gam màu*                          | 72% NTSC, CIE 1931, và 83% NTSC, CIE 1976.   |



|  |   |
|--|---|
| Kết nối  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 x Cổng DisplayPort 1.2</li> <li>• 2 x Cổng HDMI 1.4</li> <li>• 1 x Cổng tai nghe âm thanh (giắc 3,5 mm)</li> </ul> |
| Chiều rộng viền (viền màn hình tiếp giáp vùng hiệu dụng) |   |
| Trên cùng  | 7,70 mm   |
| Trái/Phải  | 7,70 mm   |
| Phía dưới  | 20,08 mm  |
| Điều chỉnh   |   |
| Giá đỡ có thể điều chỉnh chiều cao                       | 100 mm  |
| Độ nghiêng   | -5° đến 21°   |
| Sắp xếp dây cáp  | Có  |
| Tương Thích Trình Quản Lý Màn Hình Dell (DDM)            | Dễ Dàng Sắp Xếp và các tính năng chủ đạo khác   |
| An toàn  | Khe khóa an toàn (khóa cáp được bán riêng)  |

\* Chỉ có ở bảng điều khiển bản địa, theo Chế Độ Tùy Biến có sẵn.

### Thông số kỹ thuật độ phân giải

| Thông số kỹ thuật độ phân giải                              | HDMI  | DisplayPort               |
|---|---|---------------------------|
| Độ phân giải cài sẵn tối đa                                 | 1920 x 1080 ở mức 144 MHz   | 1920 x 1080 ở mức 144 MHz |
| Dải quét ngang  | 30 kHz đến 170 kHz  |                           |
| Dải quét dọc  | 48 Hz đến 144 Hz  |                           |
| Khả năng hiển thị video (có thể chuyển đổi giữa HDMI và DP) | 480p@60Hz, 576p@50Hz, 720p@50Hz, 720p@60Hz, 1080p@50Hz, 1080p@60Hz, 1080p@120Hz |                           |



## Chế độ hiển thị cài sẵn

| <b>Chế độ hiển thị</b> | <b>Tần số quét ngang (kHz)</b> | <b>Tần số quét dọc (Hz)</b> | <b>Đồng hồ pixel (MHz)</b> | <b>Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc)</b> |
|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| VGA 720 x 400          | 31,47                          | 70,08                       | 28,322                     | -/+                            |
| VGA 640 x 480          | 31,47                          | 59,94                       | 25,175                     | -/-                            |
| VESA 640 x 480         | 37,5                           | 75                          | 31,5                       | -/-                            |
| VESA 800 x 600         | 37,88                          | 60,317                      | 40                         | +/+                            |
| VESA 800 x 600         | 46,88                          | 75                          | 49,5                       | +/+                            |
| VESA 1024 x 768        | 48,36                          | 60,004                      | 65                         | -/-                            |
| VESA 1024 x 768        | 60,02                          | 75,029                      | 78,75                      | +/+                            |
| MAC 1152 x 864         | 67,5                           | 75                          | 108                        | +/+                            |
| CVT 1280 x 800         | 49,7                           | 59,81                       | 83,5                       | +/+                            |
| VESA 1280 x 1024       | 64                             | 60,02                       | 108                        | +/+                            |
| VESA 1280 x 1024       | 80                             | 75,02                       | 135                        | +/+                            |
| VESA 1366 x 768        | 47,7                           | 59,79                       | 85,5                       | +/+                            |
| VEST 1680 x 1050       | 65,29                          | 59,954                      | 146,25                     | +/+                            |
| CVT 1920 x 1080        | 67,5                           | 60                          | 148,5                      | +/+                            |
| 1920 x 1080            | 137,26                         | 119,982                     | 285,5                      | +/+                            |
| 1920 x 1080            | 166,608                        | 144                         | 339,88                     | +/+                            |



## Thông số kỹ thuật điện

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
| Tín hiệu đầu vào video           | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tín hiệu video số cho từng cổng vi sai Theo từng cổng vi sai ở mức trở kháng 100 ohm</li><li>• Hỗ trợ đầu vào tín hiệu DisplayPort/HDMI</li></ul>                 |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào | 100-240 VAC / 50 hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz / 1,5 A (tối đa)   |
| Dòng điện khởi động              | 120 V: 30 A (Max.)<br>240 V: 60 A (Max.)  |
| Mức Tiêu Thụ Điện Năng           | 0.3 W (Chế Độ Tắt) <sup>1</sup><br>0.3 W (Chế Độ Chờ) <sup>1</sup><br>22.6 W (Chế Độ Bật) <sup>1</sup><br>46 W (tối đa) <sup>2</sup><br>18.76 W ( $P_{on}$ ) <sup>3</sup><br>59.11 kWh (TEC) <sup>3</sup> |

1 Theo như được chỉ định tại EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

2 Cài đặt độ tương phản và độ sáng cực đại.

3  $P_{on}$ : Mức tiêu thụ điện năng khi ở Chế Độ Bật được đo theo phương pháp kiểm định Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện năng tính bằng kWh được đo theo phương pháp kiểm định Energy Star.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi tùy theo phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn sử dụng, chúng tôi không có nghĩa vụ phải cập nhật các thông tin đó. Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc các yếu tố khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.



## Đặc điểm vật lý

|  |   |
|--|---|
| Loại kết nối   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Một DisplayPort</li><li>• Hai cổng HDMI 1.4</li><li>• Một cổng tai nghe</li></ul> |
| Loại cáp tín hiệu  | <ul style="list-style-type: none"><li>• Cáp HDMI 1,8m</li></ul>   |
| Kích thước (có giá đỡ)   |   |
| Chiều cao (mở rộng)  | 493,20 mm (19,42 in)  |
| Chiều cao (thu gọn)  | 393 mm (15,50 in)   |
| Chiều rộng   | 608,40 mm (23,95 in)  |
| Độ dày   | 190,40 mm (7,49 in)   |
| Kích thước (không có giá đỡ)   |   |
| Chiều cao  | 364,10 mm (14,34 in)  |
| Chiều rộng   | 608,40 mm (23,95 in)  |
| Độ dày   | 96,30 mm (3,79 in)  |
| Kích thước giá đỡ  |   |
| Chiều cao (mở rộng)  | 386 mm (15,20 in)   |
| Chiều cao (thu gọn)  | 337 mm (13,30 in)   |
| Chiều rộng   | 230,20 mm (9,06 in)   |
| Độ dày   | 190,40 mm (7,49 in)   |
| Trọng lượng  |   |
| Trọng lượng cả bao bì  | 8,86 kg (19,53 lb)  |
| Trọng lượng tính cả giá đỡ và dây cáp  | 5,60 kg (12,34 lb)  |
| Trọng lượng không có phụ kiện giá đỡ (Các móc treo tường hoặc các móc treo theo tiêu chuẩn VESA - không dây cáp) | 4,06 kg (8,95 lb)   |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ   | 1,54 kg (3,40 lb)   |





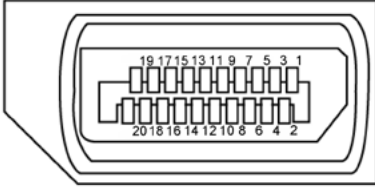
## Đặc điểm môi trường

|  |   |
|--|---|
| Các tiêu chuẩn phải tuân thủ   |   |
| <ul style="list-style-type: none"><li>• Tuân thủ quy định RoHS</li><li>• Màn hình không sử dụng BFR/PVC (không bao gồm các cáp ngoài)</li><li>• Mặt kính không chứa asen và bảng điều khiển không chứa thủy ngân</li></ul> |   |
| Nhiệt độ   |   |
| Hoạt động  | 0°C - 40°C (32°F - 104°F)   |
| Không hoạt động  | -20°C - 60°C (-4°F - 140°F)   |
| Độ ẩm  |   |
| Hoạt động  | 10% đến 80% (không ngưng tụ)  |
| Không hoạt động  | 5% đến 90% (không ngưng tụ)   |
| Độ cao   |   |
| Hoạt động  | 5.000 m (16.404 ft) (tối đa)  |
| Không hoạt động  | 12.192 m (40.000 ft) (tối đa)   |
| Công suất tản nhiệt  | 156,96 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa)<br>77,11 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế Độ Bật) |



## Cách gán châu cắm

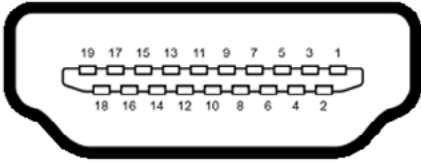
### DisplayPort



| Mã Châu Cắm | Phía có 20 châu cắm của cáp tín hiệu kết nối | Mã Châu Cắm | Phía có 20 châu cắm của cáp tín hiệu kết nối |
|-------------|--|-------------|--|
| 1           | ML3(n)                                       | 11          | GND  |
| 2           | GND  | 12          | ML0(p)                                       |
| 3           | ML3(p)                                       | 13          | CONFIG1                                      |
| 4           | ML2(n)                                       | 14          | CONFIG2                                      |
| 5           | GND  | 15          | AUX CH (p)                                   |
| 6           | ML2(p)                                       | 16          | GND  |
| 7           | ML1(n)                                       | 17          | AUX CH (n)                                   |
| 8           | GND  | 18          | Phát Hiện Ổ Cắm Nóng                         |
| 9           | ML1(p)                                       | 19          | Quay Lại                                     |
| 10          | ML0(n)                                       | 20          | DP_PWR                                       |



## Cổng HDMI



| Mã Chấu Cắm | Phía có 19 chấu cắm của cáp tín hiệu kết nối | Mã Chấu Cắm | Phía có 19 chấu cắm của cáp tín hiệu kết nối |
|-------------|--|-------------|--|
| 1           | DỮ LIỆU TMDS 2+                              | 11          | MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS                       |
| 2           | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2                     | 12          | ĐỒNG HỒ TMDS-                                |
| 3           | DỮ LIỆU TMDS 2-                              | 13          | CEC  |
| 4           | DỮ LIỆU TMDS 1+                              | 14          | Đã đăng ký (N.C. trên thiết bị)              |
| 5           | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1                     | 15          | ĐỒNG HỒ DDC (SCL)                            |
| 6           | DỮ LIỆU TMDS 1-                              | 16          | DỮ LIỆU DDC (SDA)                            |
| 7           | DỮ LIỆU TMDS 0+                              | 17          | DDC/CEC Ground                               |
| 8           | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0                     | 18          | NGUỒN ĐIỆN +5 V                              |
| 9           | DỮ LIỆU TMDS 0-                              | 19          | PHÁT HIỆN Ổ CẮM NÓNG                         |
| 10          | ĐỒNG HỒ TMDS+                                |             |  |



## Cắm và Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm và Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, vui lòng xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

## Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD không hiếm gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết vì không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình LCD, hãy xem trang Hỗ Trợ của Dell tại: <https://www.dell.com/pixelguidelines>.



## Phù hợp cơ địa

△ **CHÚ Ý: Sử dụng bàn phím không đúng cách hoặc lâu có thể sẽ dẫn đến chấn thương.**

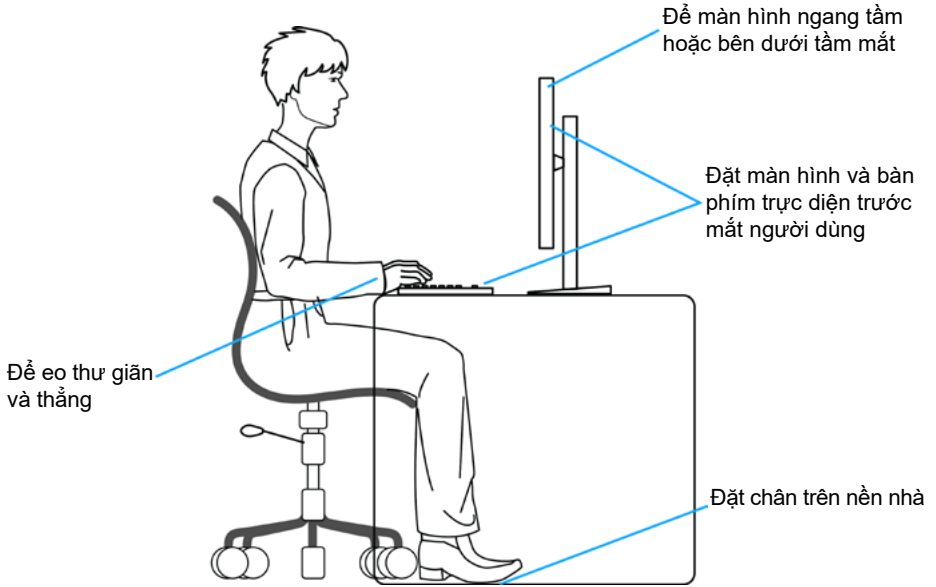
△ **CHÚ Ý: Nhìn màn hình lâu có thể sẽ dẫn đến nhức mỏi mắt.**

Để thoải mái và hiệu quả khi sử dụng, cần tuân thủ các hướng dẫn sau đây khi cài đặt và khi vận hành hệ thống làm việc trên máy tính của bạn:

- Đặt để máy tính sao cho màn hình và bàn phím nằm đối diện ngay phía trước bạn khi làm việc. Trên thị trường có bán các loại kệ đặc biệt để giúp bạn đặt bàn phím đúng vị trí.
- Để giảm nguy cơ nhức mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai do sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi đề xuất bạn:
  1. Đặt màn hình cách tầm mắt của bạn khoảng 20 - 28 inch (50-70 cm).
  2. Thường xuyên chớp mắt để làm ẩm mắt của bạn khi phải nhìn màn hình.
  3. Nghỉ giải lao thường xuyên khoảng 20 phút sau mỗi hai tiếng.
  4. Không nhìn vào màn hình của bạn và nhìn tập trung vào một vật thể ở xa 20 foot trong vòng ít nhất 20 giây trong giờ giải lao.
  5. Thực hiện duỗi thẳng tay chân để làm giảm căng thẳng ở cổ/tay/lưng/vai trong giờ giải lao.
- Màn hình phải ở ngang tầm mắt hoặc thấp hơn đôi chút khi bạn ngồi đối diện.
- Điều chỉnh độ nghiêng, độ tương phản và độ sáng của màn hình.
- Điều chỉnh ánh sáng xung quanh (ví dụ như đèn phía trên đầu, đèn bàn, rèm cửa ở gần cửa sổ) để giảm độ phản chiếu và lóa sáng trên màn hình.
- Ghế phải có tựa lưng để giúp bạn thoải mái khi ngồi.
- Cẳng tay phải nằm ngang, cổ tay phải linh hoạt ở vị trí sao cho thoải mái khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Phải luôn có khoảng trống đủ để đặt bàn tay lên khi sử dụng bàn phím hoặc chuột.
- Nửa hai cánh tay trên phải được thoải mái tự nhiên nhất.
- Phải đảm bảo rằng phần sàn để chân của bạn phải phẳng.
- Khi ngồi, cần đảm bảo trọng lượng của cẳng chân được dồn lên bàn chân chứ không phải duỗi thẳng và co lên phía trước. Điều chỉnh chiều cao ghế hoặc có thể sử dụng phụ kiện kê chân để có được tư thế phù hợp.
- Đa dạng hóa các hoạt động của bạn. Cần sắp xếp công việc sao cho bạn không nhất thiết phải ngồi và làm việc trong thời gian dài. Nên đứng hoặc đi lại thường xuyên theo chu kỳ định sẵn.



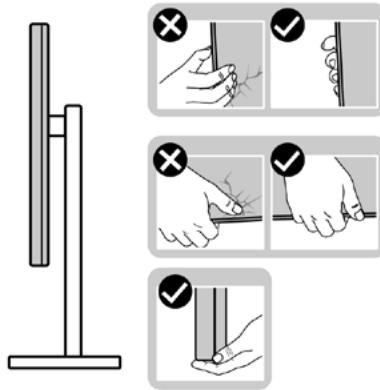
- Phía dưới bàn cần thoáng, không có vật cản, không có dây cáp hoặc dây nguồn để không làm ảnh hưởng đến tư thế ngồi thoải mái hoặc cứng để không gây rủi ro bị ngắt nguồn ngoài ý muốn.



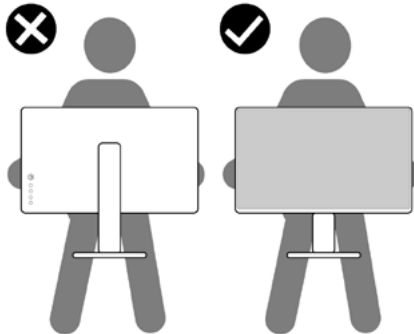
# Xử lý và di chuyển màn hình của bạn

Để xử lý màn hình an toàn khi nâng hoặc di chuyển, cần tuân thủ các hướng dẫn dưới đây:

- Trước khi di chuyển hoặc nâng màn hình, cần tắt máy tính và màn hình.
- Rút các dây cáp ra khỏi màn hình.
- Đặt màn hình vào hộp đựng ban đầu có sẵn các phụ kiện đóng gói như lúc nhận hàng.
- Cầm chắc phần cạnh phía dưới và cạnh bên của màn hình, không được tạo lực tác động quá mạnh khi nâng hoặc di chuyển màn hình.



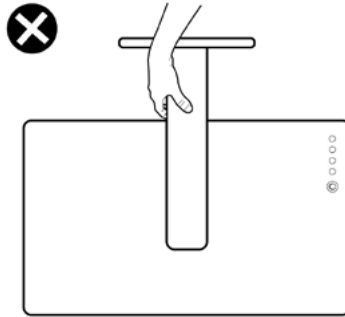
- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, cần đảm bảo màn hình quay ra ngoài, không được ép lực vào phần diện tích hiển thị để tránh bị xước hoặc hỏng.



- Khi vận chuyển màn hình, tránh không được để sốc hoặc rung lắc đột ngột.



- Khi nâng hoặc di chuyển màn hình, không được lật ngược màn hình trong khi đang cầm nắm phần giá đỡ hoặc khung giá đỡ. Nếu không, có thể làm hỏng màn hình hoặc gây chấn thương.



## Hướng dẫn bảo dưỡng

### Vệ sinh màn hình của bạn

- ⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.
- ⚠ **CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng Dẫn An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:



- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện, thấm ẩm khăn mềm sạch. Nếu có thể, nên dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn mềm ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm nắm màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước và dễ nhìn thấy các vết xước màu trắng hơn màn hình màu sáng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.





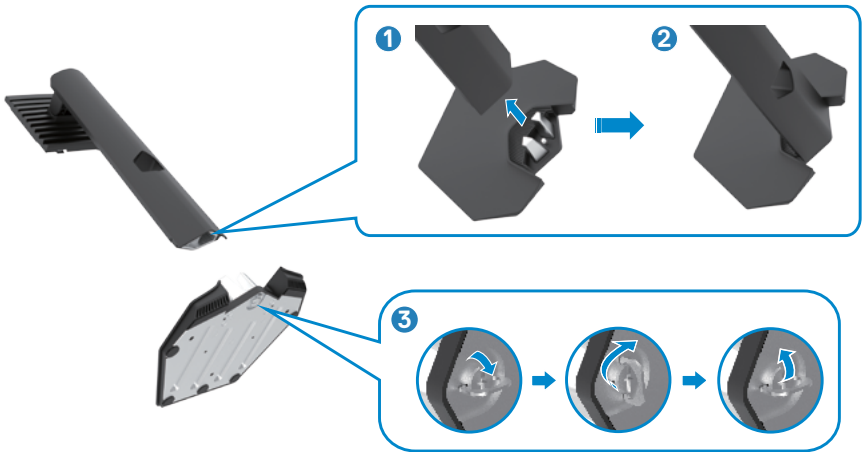
# Lắp đặt màn hình

## Lắp giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Khung giá đỡ và giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

### Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Căn chỉnh và đặt khung giá đỡ vào giá đỡ.
2. Mở nắp vít ở phía dưới của giá đỡ và vặn theo chiều kim đồng hồ để cố định.
3. Đóng nắp vít.



4. Tháo lớp bảo vệ trên màn hình để thấy khe VESA.



5. Trượt mấu trên khung giá đỡ vào các khe tương ứng ở phía nắp sau của màn hình, ấn nhẹ để vào khớp.

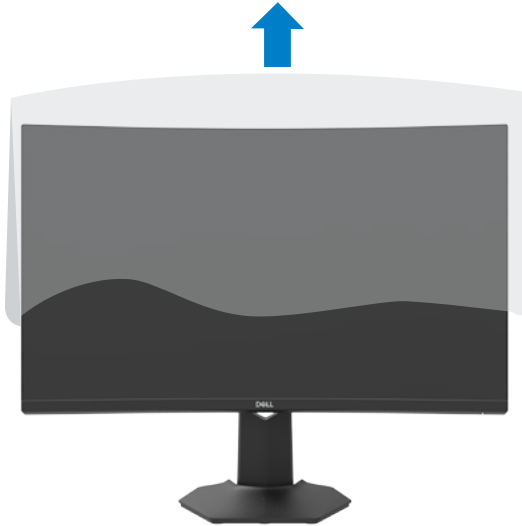


6. Cắm vào khung giá đỡ và nâng màn hình cẩn thận, sau đó đặt lên bề mặt phẳng.




**LƯU Ý:** Cắm thật chắc khung giá đỡ khi nâng màn hình để tránh các hỏng hóc ngoài ý muốn.

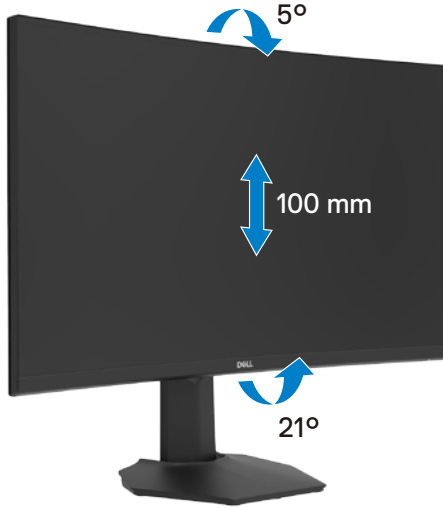
7. Tháo lớp bảo vệ ra khỏi màn hình.



## Sử dụng phụ kiện mở rộng chỉnh nghiêng và chỉnh dọc

 Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

Sau khi lắp giá đỡ cho màn hình, bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



 **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



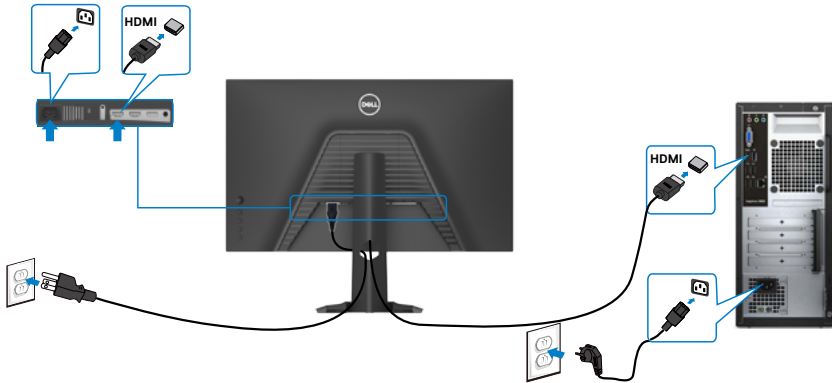
# Kết nối Màn Hình Của Bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn An Toàn](#).

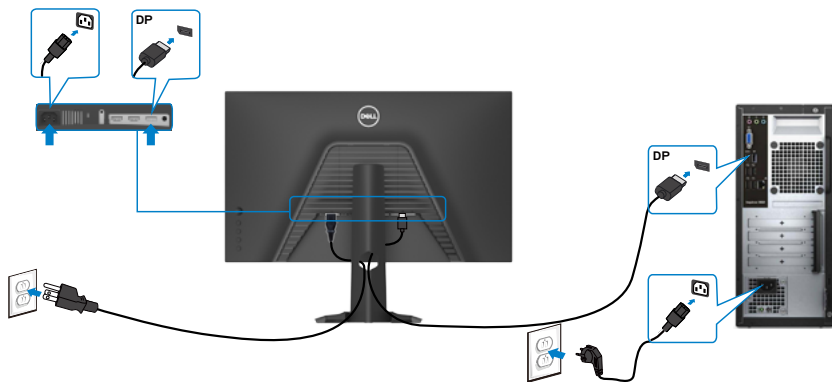
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính của bạn.
2. Cắm cáp DisplayPort hoặc HDMI từ màn hình vào máy tính.
3. Tắt màn hình của bạn.
4. Chọn đúng nguồn đầu vào trên menu OSD của màn hình và bật máy tính.

## Kết nối cáp HDMI



## Kết nối cáp DP



## Xếp gọn dây cáp

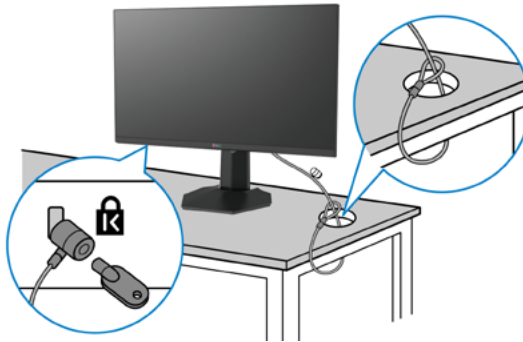


Sau khi cắm hết dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (xem [Kết Nối Màn Hình Của Bạn](#) để cắm cáp) cần xếp gọn các dây cáp như minh họa trên đây.

## Cố định màn hình bằng khóa Kensington (tùy chọn)

Khe khóa an toàn được bố trí ở phía dưới màn hình. (Xem [Khe khóa an toàn](#)) Để biết thêm thông tin về cách sử dụng khóa Kensington (mua lẻ), vui lòng xem hướng dẫn gửi kèm khóa.

Cố định màn hình trên bàn bằng khóa an toàn Kensington.



**LƯU Ý:** Hình ảnh chỉ để minh họa. Hình dạng của khóa có thể sẽ khác.



# Tháo giá đỡ màn hình

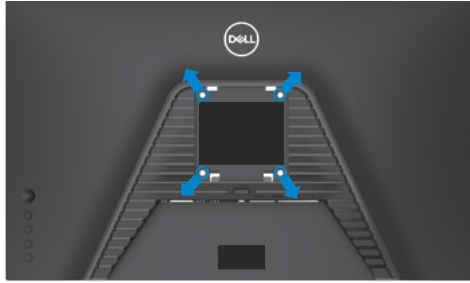
- ⚠ **CHÚ Ý:** Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, phải đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
- 📎 **LƯU Ý:** Làm theo các hướng dẫn sau đây nếu có giá đỡ được gửi kèm với màn hình của bạn. Nếu lắp giá đỡ mua từ nhà cung cấp khác, cần làm theo các hướng dẫn của giá đỡ đó.

Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc đệm.
2. Giữ ấn nút nhả giá đỡ.
3. Nhấc giá đỡ lên và tháo ra khỏi màn hình.



## Treo Tường (Tùy chọn)



**LƯU Ý:** Sử dụng các vít M4 x 10 mm để kết nối màn hình với bộ treo tường.

Xem hướng dẫn kèm theo bộ treo tường chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc đệm trên bề mặt bàn chắc chắn và phẳng.
2. Tháo giá đỡ.
3. Dùng tuốc-nơ-vít bốn cạnh của Phillips để tháo bốn vít trên lớp vỏ nhựa.
4. Lắp khung treo từ bộ treo tường vào màn hình.
5. Treo màn hình lên tường theo hướng dẫn kèm theo bộ treo tường.


**LƯU Ý:** Chỉ sử dụng cùng với khung treo tường theo chỉ định UL hoặc CSA hoặc GS trong đó trọng lượng/tải trọng tối thiểu là 16,4 kg (36,2 lb).

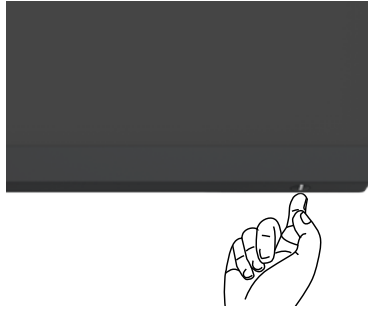




# Sử dụng màn hình

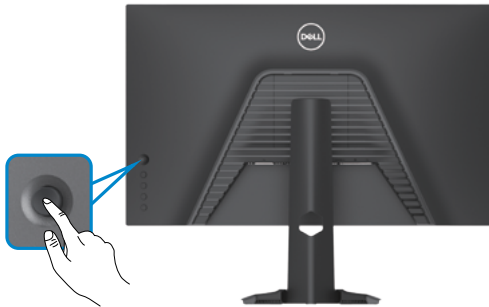
## Bật màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.



## Dùng phím điều khiển

Dùng phím điều khiển ở phía sau của màn hình để điều chỉnh OSD.



1. Nhấn nút điều khiển để mở menu chính của OSD.
2. Di chuyển phím điều khiển lên/xuống/trái/phải để chuyển tiếp giữa các tùy chọn.
3. Nhấn lại phím điều khiển để xác nhận cài đặt và thoát.

---

### Phím điều khiển    Mô Tả



- Khi bật menu OSD, nhấn nút để xác nhận lựa chọn hoặc lưu cài đặt.
  - Khi tắt menu OSD, nhấn nút để mở menu chính của OSD. Xem [Truy cập menu hệ thống](#).
- 





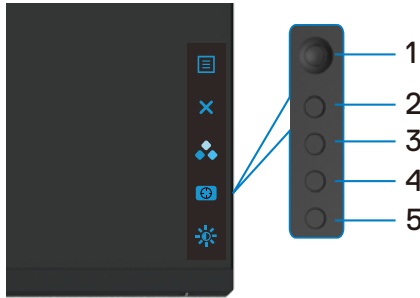
- Để chuyển hướng 2 chiều (phải và trái).
- Di chuyển sang phải để vào menu phụ.
- Di chuyển sang trái để thoát menu phụ.
- Tăng (phải) hoặc giảm (trái) các thông số của mục menu được chọn






- Để chuyển hướng 2 chiều (lên và xuống).
- Chuyển đổi giữa các mục menu.
- Tăng (lên) hoặc giảm (xuống) các thông số của mục menu được chọn.

## Dùng nút điều khiển phía sau

Dùng các nút điều khiển ở phía sau của màn hình để điều chỉnh các cài đặt màn hình. Khi sử dụng các nút này để điều chỉnh các cài đặt, OSD sẽ hiển thị các giá trị điều chỉnh dạng số của từng tính năng khi thay đổi.



Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển phía sau:


| Nút phía sau   | Mô Tả   |
|--|---|
| 1<br><br>Menu   | Dùng nút Menu này để bật hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD.<br>Xem <a href="#">Truy Cập Menu Hệ Thống</a> . |
| 2<br><br>Exit (Thoát)                                 | Sử dụng nút này để quay lại menu chính hoặc thoát menu chính OSD.   |
| 3<br><br>Phím tắt:<br>Preset Modes<br>(Chế độ có sẵn) | Dùng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.   |




---

| Nút phía sau | Mô Tả |
|--------------|-------|
|--------------|-------|

---

|   |  |  |
|---|--|--|
| 4 |  <p><b>Phím tắt:<br/>Dark Stabilizer<br/>(Cân Bằng Tối)</b></p> | Để truy cập thẳng vào thanh trượt điều chỉnh <b>Dark Stabilizer (Cân Bằng Tối)</b> . |
|---|--|--|

---

|   |   |   |
|---|---|---|
| 5 |  <p><b>Phím tắt:<br/>Brightness/Contrast<br/>(Độ sáng/Độ tương phản)</b></p> | Để truy cập thẳng vào thanh trượt điều chỉnh <b>Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> . |
|---|---|---|

---

Khi nhấn bất kỳ nút nào trong số này, Thanh Trạng Thái OSD sẽ xuất hiện để bạn biết các cài đặt hiện tại của một số chức năng OSD.



# Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

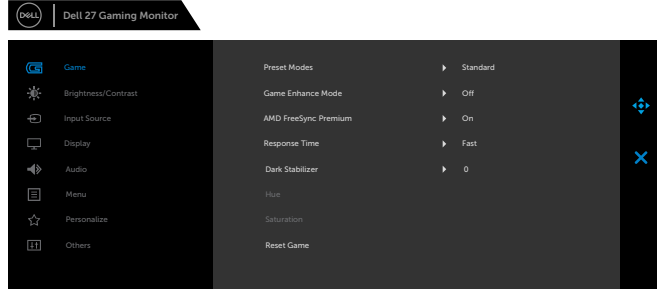
## Truy cập menu hệ thống

**Biểu tượng** Menu và Menu Con **Mô Tả**



**Game**

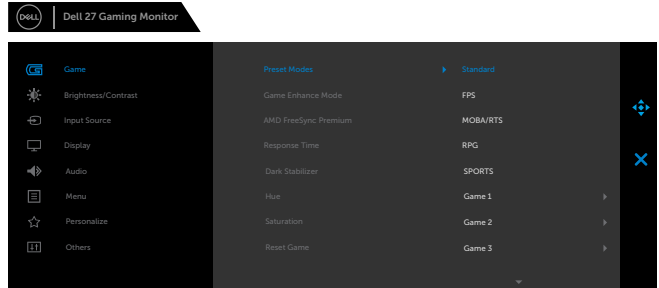
Dùng menu này để tùy chỉnh trải nghiệm chơi game trực quan của bạn.



S2721HGF

**Preset Modes (Chế độ có sẵn)**

Giúp bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.



S2721HGF

- **Standard (Tiêu chuẩn):** Cài đặt hình ảnh mặc định. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **FPS:** Tải các cài đặt màu sắc lý tưởng cho game First-Person Shooter.
- **MOBA/RTS:** Tải các cài đặt màu sắc lý tưởng cho các game "Multiplayer Online Battle Arena" và "Real-Time Strategy".
- **RPG:** Tải các cài đặt màu sắc lý tưởng cho game Role-Playing.
- **SPORTS (THỂ THAO):** Tải các cài đặt màu sắc lý tưởng cho game "SPORTS".



| Biểu tượng | Menu và Menu Con                                    | Mô Tả  |
|------------|---|--|
|            |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Game 1/Game 2/Game 3:</b> Cho phép bạn tùy biến cài đặt màu sắc tùy theo các nhu cầu game.</li> <li>• <b>ComfortView (Dịu mắt):</b> Giảm ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để mắt của bạn được thoải mái hơn khi nhìn.<br/><b>CẢNH BÁO:</b> Ánh sáng xanh từ màn hình về lâu dài có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe, ví dụ như gây nhức mỏi mắt hoặc gây tổn hại cho mắt. Dùng màn hình lâu có thể gây đau nhức cơ thể, ví dụ như cổ, cánh tay, lưng và vai. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem mục <a href="#">Phù hợp cơ địa</a>.</li> <li>• <b>Warm (Ấm):</b> Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị ấm hơn với sắc đỏ hoặc vàng.</li> <li>• <b>Cool (Lạnh):</b> Hiển thị các màu sắc có nhiệt độ màu cao hơn. Màn hình hiển thị lạnh hơn với sắc xanh lam.</li> <li>• <b>Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):</b> Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Di chuyển phím điều khiển để điều chỉnh các giá trị <b>Gain (Tăng)</b>, <b>Offset (Bù)</b>, <b>Hue (Tông màu)</b>, và <b>Saturation (Bão hòa)</b> đồng thời tạo ra các chế độ màu tùy biến sẵn của bạn.</li> </ul> |
|            | <b>Game Enhance Mode (Chế Độ Nâng Cao cho Game)</b> | <p>Điều chỉnh Chế Độ Nâng Cao cho Game theo các mục Off, Timer, Frame Rate hoặc Display Alignment.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Off (Tắt):</b> Chọn để tắt các chức năng thuộc <b>Game Enhance Mode (Chế Độ Nâng Cao cho Game)</b>.</li> <li>• <b>Timer (Hẹn giờ):</b> Giúp bạn tắt hoặc bật hẹn giờ ở góc trên bên phải của màn hình. Bộ hẹn giờ sẽ hiển thị thời gian đếm ngược kể từ lúc bắt đầu chơi game. Chọn tùy chọn từ danh sách khoảng thời gian để bạn chú ý được khoảng thời gian còn lại.</li> <li>• <b>Frame Rate (Tốc độ khung hình):</b> Chọn Bật để hiển thị tốc độ khung hình/giây hiện tại khi chơi game. Tốc độ càng cao, chuyển động càng mượt.</li> <li>• <b>Display Alignment (Hiệu chỉnh màn hình):</b> Chức năng này giúp đảm bảo các nội dung video được hiệu chỉnh hoàn hảo khi ở chế độ hiển thị đa màn hình.</li> </ul>  |
|            | <b>AMD FreeSync Premium Pro</b>                     | Giúp bạn Bật hoặc Tắt AMD FreeSync Premium Pro.  |



| <b>Biểu tượng</b> | <b>Menu và Menu Con</b>                  | <b>Mô Tả</b>  |
|-------------------|--|---|
|                   | <b>Response Time (Thời Gian Đáp Ứng)</b> | <p>Giúp bạn cài đặt <b>Response Time (Thời gian đáp ứng)</b> thành <b>Fast (Nhanh)</b>, <b>Super Fast (Siêu Nhanh)</b>, <b>Extreme (Tốt Cùng)</b> hoặc <b>MPRT</b>.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Để bật MPRT, tốc độ làm tươi nguồn phải từ 120Hz trở lên.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Khi bật MPRT, FreeSync sẽ được tắt. Không thể bật cùng lúc MPRT và FreeSync.</p>  |
|                   | <b>Dark Stabilizer (Cân Bằng Tối)</b>    | <p>Tính năng này giúp nâng cao sự trực quan khi game đang ở các phân đoạn tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3), độ trực quan ở các phân đoạn tối được hiển thị càng tốt.</p>  |
|                   | <b>Hue (Tông màu)</b>                    | <p>Tính năng này có thể chuyển màu của video sang lục hoặc tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh tông màu mong muốn.</p> <p>Dùng phím điều khiển để chỉnh tông màu từ mức 0 đến 100.</p> <p>Di chuyển phím điều khiển lên để tăng tối cho màu lục trên video.</p> <p>Di chuyển phím điều khiển xuống để tăng tối cho màu tím trên video.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Chỉ điều chỉnh được tông màu khi ở chế độ <b>FPS, RTS, RPG, SPORTS</b>.</p> |
|                   | <b>Saturation (Độ bão hòa)</b>           | <p>Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của video.</p> <p>Dùng phím điều khiển để chỉnh độ bão hòa từ mức 0 đến 100.</p> <p>Di chuyển phím điều khiển lên để làm đậm màu cho video.</p> <p>Di chuyển phím điều khiển xuống để làm nhạt màu cho video.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Chỉ điều chỉnh được độ bão hòa màu khi ở chế độ <b>FPS, RTS, RPG, SPORTS</b>.</p>   |
|                   | <b>Reset Game (Cài lại màu)</b>          | <p>Tái thiết các cài đặt có trong menu <b>Game</b> về giá trị mặc định.</p>   |



**Biểu  
tượng**

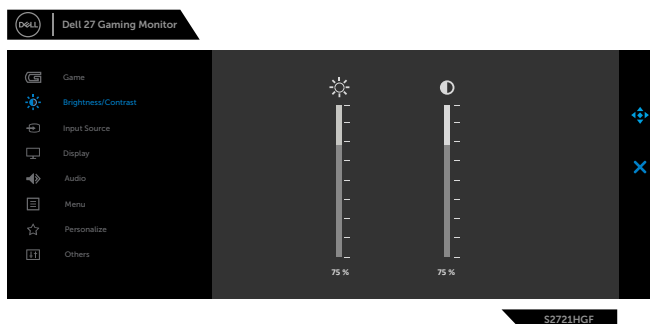
**Menu và Menu  
Con**

**Mô Tả**



**Brightness/  
Contrast**  
(Độ sáng/Độ  
tương phản)

Dùng menu này để điều chỉnh Độ Sáng/Độ Tương Phản.



**Brightness  
(Độ sáng)**

**Brightness (Độ sáng)** điều chỉnh độ sáng của đèn nền (tối thiểu 0; tối đa 100).

Di chuyển phím điều khiển lên để tăng độ sáng.

Di chuyển phím điều khiển xuống để giảm độ sáng.

**Lưu ý:** Khi bật MPRT sẽ không điều chỉnh được độ sáng.


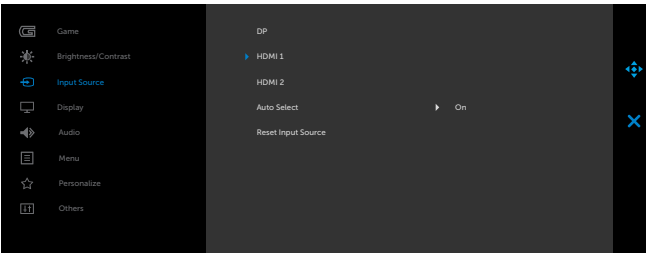
**Contrast  
(Độ tương  
phản)**

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước rồi chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần phải chỉnh thêm.

Di chuyển phím điều khiển lên để tăng độ tương phản và Di chuyển phím điều khiển xuống để giảm độ tương phản (từ 0 đến 100).

Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** cho phép chỉnh các mức độ khác nhau giữa sáng và tối trên màn hình.



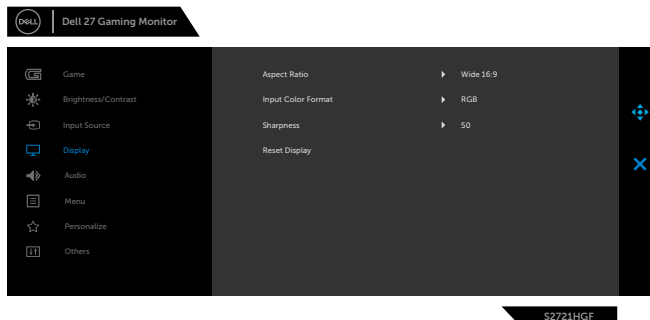
| Biểu tượng   | Menu và Menu Con  | Mô Tả   |
|--|---|---|
|    | <b>Input Source (Nguồn Đầu Vào)</b>   | Dùng menu <b>Input Source (Nguồn Đầu Vào)</b> để chuyển đổi giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn. |
|  |   |   |
| <b>DP</b>  | Chọn đầu vào <b>DP</b> khi bạn đang sử dụng kết nối <b>DP (DisplayPort)</b> . Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.    |   |
| <b>HDMI 1<br/>HDMI 2</b>   | Chọn đầu vào <b>HDMI 1</b> hoặc <b>HDMI 2</b> khi bạn đang sử dụng kết nối HDMI. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn. |   |
| <b>Auto Select (Tự động chọn)</b>  | Bật chức năng này để màn hình tự động quét các nguồn đầu vào khả dụng. Nhấn phím điều khiển để xác nhận tùy chọn.           |   |
| <b>Reset Input Source (Cài lại nguồn đầu vào)</b>                                  | Thiết lập lại các <b>Nguồn vào</b> của màn hình về giá trị mặc định gốc.  |   |





**Display (Hiện thị)**

Sử dụng menu Display (Hiện thị) để chỉnh hình ảnh.

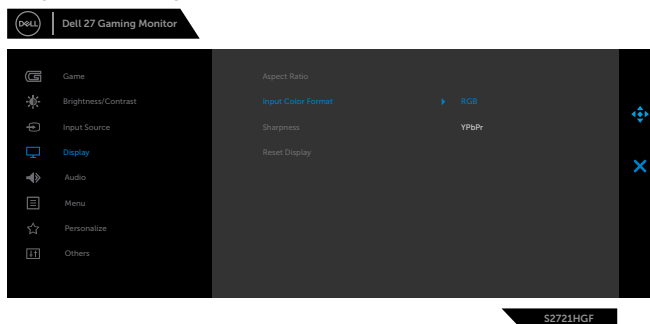
**Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**

Chỉnh tỷ lệ hình ảnh thành **Wide 16:9 (Rộng 16:9)**, **Auto Resize (Tự động)**, **4:3** hoặc **5:4**.

**Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)**

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video theo:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp DP hoặc HDMI.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu đĩa DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.

**Sharpness (Độ sắc nét)**

Làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Di chuyển phím điều khiển lên và xuống để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

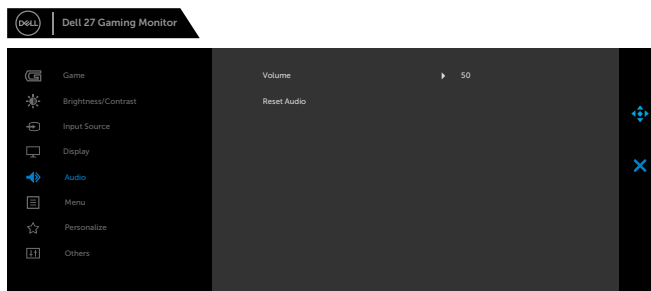
**Reset Display (Cài Lại Chế Độ Hiện Thị)**

Phục hồi cài đặt màn hình về các giá trị mặc định gốc.





**Audio (Âm thanh)**



S2721HGF

**Volume (Âm lượng)**

Cho phép bạn cài mức âm lượng cho tai nghe. Dùng phím điều khiển để chỉnh mức âm lượng từ 0 đến 100.

**Reset Audio (Cài Lại Âm Thanh)**

Phục hồi cài đặt Âm Thanh về các giá trị mặc định gốc.



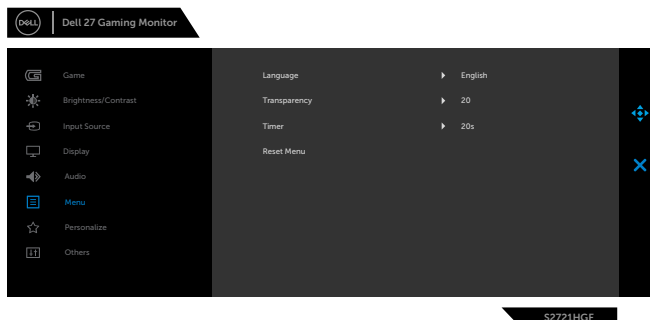
---

**Biểu tượng** **Menu và Menu Con** **Mô Tả**



**Menu**

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



---

**Language (Ngôn ngữ)**

Cài đặt hiển thị OSD bằng một trong tám ngôn ngữ. (tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Braxin, tiếng Nga, tiếng Hoa giản thể hoặc tiếng Nhật).

---

**Transparency (Độ trong suốt)**

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt của menu bằng cách di chuyển phím điều khiển lên hoặc xuống (tối thiểu 0/tối đa 100).

---

**Timer (Hẹn giờ)**

**OSD Hold Time (Thời Gian Duy Trì OSD):** Đặt thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút.

Di chuyển phím điều khiển để chỉnh thanh trượt với mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

---

**Reset Menu (Cài lại Menu)**

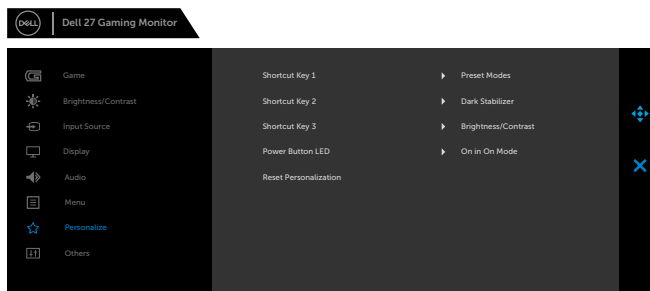
Phục hồi các cài đặt menu về giá trị mặc định gốc.

---





**Personalize (Tùy biến cá nhân)**



S2721HGF

**Shortcut key 1 (Phím tắt 1)**

Chọn từ **Preset Modes (Chế độ có sẵn)**, **Game Enhance Mode (Chế độ nâng cao cho game)**, **AMD FreeSync Premium Pro**, **Dark Stabilizer (Cân bằng tối)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ lệ màn hình)**, **Volume (Âm lượng)** để gán cho phím tắt.

**Shortcut key 2 (Phím tắt 2)**

**Shortcut key 3 (Phím tắt 3)**

**Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn)**

Cho phép bạn cài đặt trạng thái của đèn nguồn để tiết kiệm điện năng.

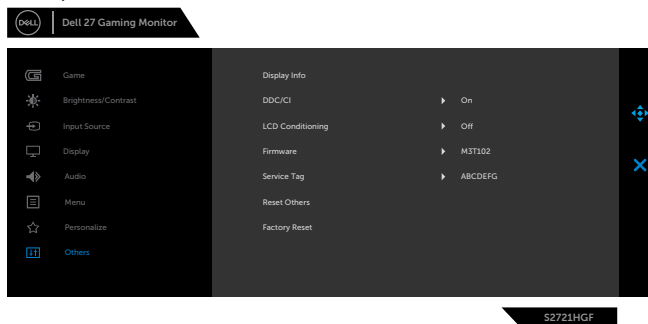
**Reset Personalization (Tái thiết tùy biến cá nhân)**

Phục hồi nút tắt về các giá trị mặc định.



**Others (Khác)**

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của OSD chẳng hạn như DDC/CI, LCD conditioning (Điều chỉnh LCD), và nhiều mục khác.

**Display Info (Thông Tin Chế Độ Hiển Thị)**

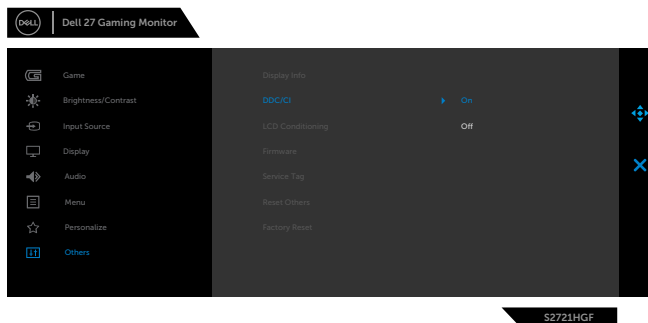
Hiển thị các cài đặt hiện tại của màn hình.

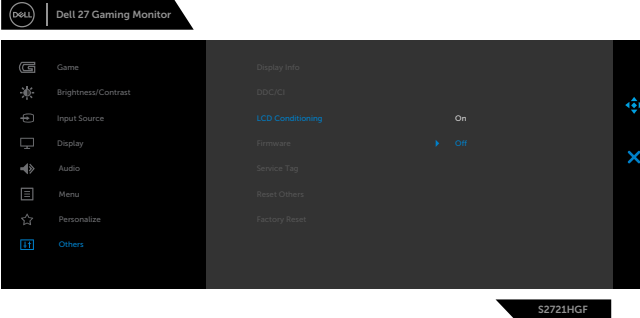
**DDC/CI**

DDC/CI (Kênh hiển thị dữ liệu/Giao diện lệnh) cho phép bạn chỉnh cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính.

Chọn (Off) Tắt để tắt tính năng này.

Bật chức năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.

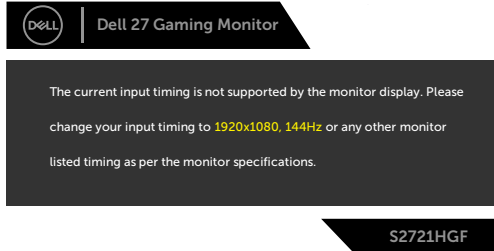


| Biểu tượng | Menu và Menu Con                             | Mô Tả  |
|------------|--|--|
|            | <b>LCD Conditioning (Điều Chỉnh LCD)</b>     | <p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không cần thiết. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, có thể mất một lúc để chương trình khởi động. Chọn <b>(On) Bật</b> để bắt đầu quy trình.</p>  <p>The screenshot shows the OSD menu for a Dell 27 Gaming Monitor. The 'LCD Conditioning' option is highlighted in blue and is currently set to 'On'. Other menu options visible include Game, Brightness/Contrast, Input Source, Display, Audio, Menu, Personalize, and Others. The bottom right corner of the screen shows the model number S2721HGF.</p> |
|            | <b>Firmware</b>                              | <p>Hiển thị phiên bản firmware trên màn hình của bạn.</p>  |
|            | <b>Service Tag (Nhãn Thẻ Dịch Vụ)</b>        | <p>Hiển thị Nhãn Thẻ Dịch Vụ. Thẻ Dịch Vụ là mã nhận dạng gồm cả chữ và số giúp Dell nhận biết được các thông số sản phẩm và tìm thông tin bảo hành.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Thẻ Dịch Vụ được in trên nhãn nằm ở phía sau của vỏ sản phẩm.</p>  |
|            | <b>Reset Others (Tái thiết các mục khác)</b> | <p>Phục hồi các cài đặt khác như DDC/CI về giá trị mặc định gốc.</p>   |
|            | <b>Factory Reset (Cài Về Mặc Định)</b>       | <p>Phục hồi tất cả các giá trị cài trước về mặc định.</p>  |

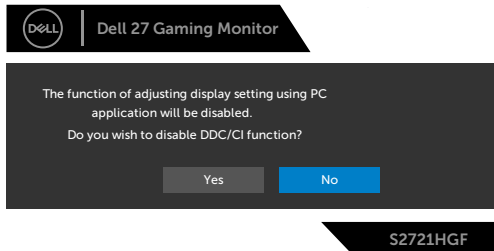


## Thông tin cảnh báo OSD

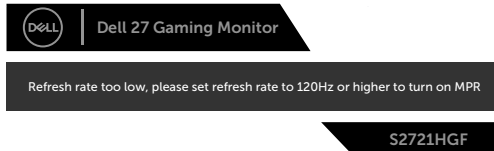
Khi màn hình không hỗ trợ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn có thể thấy thông báo sau:



Có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Kỹ Thuật Màn Hình](#) để biết các dải tần số Ngang và Dọc có thể được xử lý trên màn hình này. Chế độ đề xuất là 1920 x 1080. Bạn có thể thấy thông báo sau đây trước khi chức năng DDC/CI được tắt:



Bạn sẽ thấy có thông báo sau đây khi cố kích hoạt **MPRT** nhưng tốc độ khung hình lại thấp hơn 120Hz:



Khi màn hình hiển thị chuyển sang chế độ Chờ, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



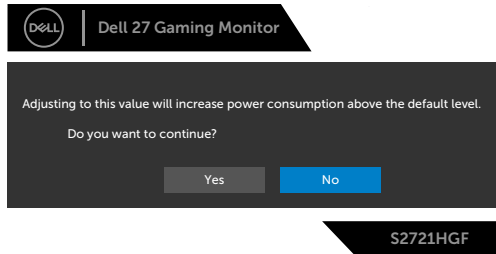
Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập **OSD**.



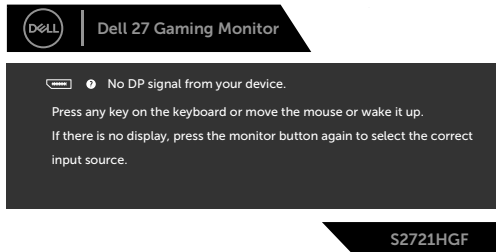
Chọn các mục **Bật** ở **Chế Độ Chờ** trên OSD ở phần **Tùy Biến Cá Nhân**, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



Nếu điều chỉnh **Độ Sáng** vượt mức mặc định trên **75%**, thông báo sau đây sẽ hiện ra:



Khi nhấn bất cứ nút nào ngoài nút nguồn, thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy theo đầu vào được chọn:



Nếu chọn đầu vào **DP, HDMI 1** và **HDMI 2** và chưa cắm cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiện ra.



hoặc



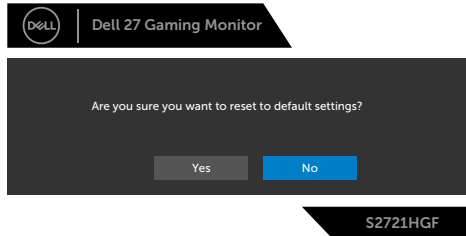




hoặc



Khi bạn chọn các mục Tái Thiết Mặc Định Nội Dung Khác trên OSD, thông báo sau đây sẽ hiện ra:

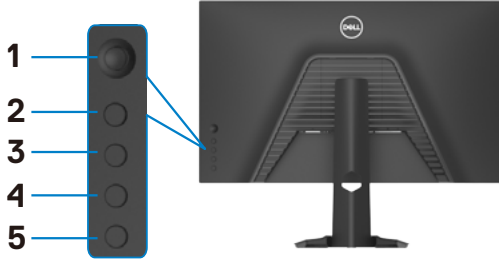


Xem **Khắc phục sự cố** để biết thêm thông tin.



## Khóa các nút điều khiển phía sau

Bạn có thể khóa các nút điều khiển phía sau để tránh truy cập vào menu OSD và/hoặc nút nguồn.



### Để khóa (các) nút:

1. Ấn và giữ **Button 5 (Nút 5)** trong vòng bốn giây, sẽ có một menu hiện ra trên màn hình.
2. Chọn một trong các tùy chọn sau:
  - **Menu Buttons (Các Nút Menu):** Chọn tùy chọn này để khóa tất cả các nút menu OSD, trừ nút nguồn.
  - **Power Button (Nút Nguồn):** Chọn tùy chọn này để chỉ khóa nút Nguồn.
  - **Menu + Power Buttons (Các Nút Menu + Nguồn):** Chọn tùy chọn này để khóa tất cả các nút có trên phần điều khiển phía sau.

Để mở khóa (các) nút, ấn và giữ **Button 5 (Nút 5)** trong vòng bốn giây cho đến khi có một menu hiện ra trên màn hình. Chọn **Unlock icon (biểu tượng Mở khóa)** để mở khóa (các) nút.



## Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Window 7, Window 8 hoặc Windows 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop để chuyển sang desktop cổ điển. Đối với Windows Vista và Windows 7, bỏ qua bước này.
2. Nhấp phải vào desktop và chọn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp vào danh sách **Screen Resolution (Độ Phân Giải Màn Hình)** số xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Trên Windows 10:

1. Nhấp phải vào desktop và chọn **Display Settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced Display Settings (Cài Đặt Hiển Thị Nâng Cao)**.
3. Nhấp vào danh sách **Resolution (Độ Phân Giải)** số xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn **1920 x 1080**, bạn có thể cần phải cập nhật driver đồ họa. Tùy theo máy tính của bạn, hoàn thiện một trong những quy trình sau đây:

Nếu bạn có máy tính bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang không sử dụng máy tính Dell :

- Truy cập trang web hỗ trợ của nhà sản xuất máy tính và tải về driver card đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web của nhà sản xuất card đồ họa và tải về driver card đồ họa mới nhất.



# Khắc phục sự cố

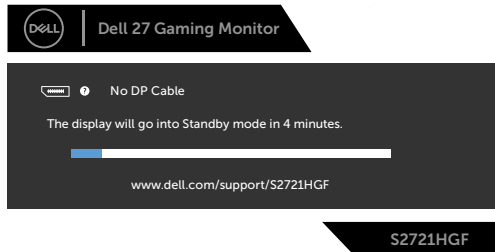
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy làm theo **Hướng Dẫn An Toàn**.

## Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng chức năng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi mặt sau của máy tính Để đảm bảo Tự Kiểm Tra chính xác, rút hết các cáp số và analog ra khỏi mặt sau của máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (nổi lên nền màu đen), nếu màn hình không thể nhận biết được tín hiệu video nhưng vẫn đang hoạt động bình thường. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào được chọn, một trong các hộp thoại dưới đây sẽ hiện liên tục trên màn hình.



hoặc



hoặc



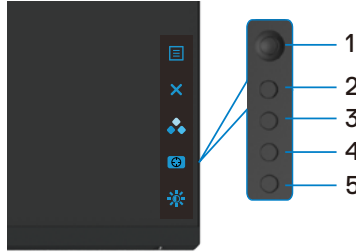


4. Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng bình thường khi cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình. Nếu màn hình vẫn tối sau khi làm quy trình nói trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, bởi vì màn hình vẫn đang hoạt động bình thường.




# Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.



## Để chạy chức năng chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video ra khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình khi đó sẽ được bật chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ Nút 5 trong vòng 4 giây, hệ thống sẽ bật thông báo OSD, chọn  và nhấn Nút 1. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Di chuyển phím điều khiển sang bên phải (Nút 1) Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình văn bản, lục, lam, đen và trắng.

Kiểm tra này sẽ hoàn thành khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn lại Nút 5.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào trên màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, tức là màn hình đang hoạt động bình thường. Kiểm tra card video và máy tính.



# Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Triệu Chứng Thường Gặp           | Bạn Trải Nghiệm Những Gì                          | Giải Pháp Khả Thi  |
|----------------------------------|---|--|
| Không có video/Đèn LED nguồn tắt | Không có hình ảnh                                 | <ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li><li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hoàn toàn.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu <b>Nguồn Đầu Vào</b>.</li></ul> |
| Không có video/Đèn LED nguồn bật | Không có hình ảnh hoặc độ sáng bằng 0             | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng độ sáng và độ tương phản bằng OSD.</li><li>• Bật chức năng kiểm tra tính năng tự kiểm tra.</li><li>• Kiểm tra xem đầu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.</li><li>• Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu <b>Nguồn Đầu Vào</b>.</li></ul>                          |
| Thiếu điểm ảnh                   | Màn hình LCD có các chấm                          | <ul style="list-style-type: none"><li>• Bật/tắt lại nguồn.</li><li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vui lòng xem trang Hỗ trợ của Dell:<br/><a href="https://www.dell.com/pixelguidelines">https://www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li></ul>                      |
| Điểm ảnh bị dính                 | Màn hình LCD có các chấm sáng                     | <ul style="list-style-type: none"><li>• Bật/tắt lại nguồn.</li><li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vui lòng xem trang Hỗ trợ của Dell:<br/><a href="https://www.dell.com/pixelguidelines">https://www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li></ul>                      |
| Sự cố độ sáng                    | Ảnh quá mờ hoặc quá sáng                          | <ul style="list-style-type: none"><li>• Cài đặt về mặc định.</li><li>• Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản bằng OSD.</li></ul>   |
| Các vấn đề liên quan đến an toàn | Các dấu hiệu bốc khói hoặc tia lửa nhìn thấy được | <ul style="list-style-type: none"><li>• Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li><li>• Liên hệ ngay với Dell.</li></ul>  |



| <b>Triệu Chứng Thường Gặp</b>   | <b>Bạn Trải Nghiệm Những Gì</b>                 | <b>Giải Pháp Khả Thi</b>  |
|---|---|---|
| Sự cố gián đoạn   | Lỗi Bật/Tắt màn hình                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Cài đặt về mặc định.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> </ul>   |
| Thiếu màu sắc   | Hình ảnh bị thiếu màu sắc                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bật chức năng tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>• Kiểm tra xem đầu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.</li> </ul>  |
| Sai màu sắc   | Màu sắc hình ảnh không tốt                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi cài đặt của Các Chế Độ Có Sẵn trong mục Màu Sắc tùy theo ứng dụng.</li> <li>• Điều chỉnh giá trị R/G/B trong mục Tùy Biến Màu trong menu Màu Sắc của OSD.</li> <li>• Thay đổi Định dạng màu đầu vào sang PC RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Màu sắc.</li> <li>• Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.</li> </ul>       |
| Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài | Có bóng mờ từ ảnh tĩnh xuất hiện trên màn hình. | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài đặt tắt màn hình sau vài phút nhàn rỗi. Các tác vụ này có thể được điều chỉnh trong mục Windows Power Options (Tùy Chọn Năng Lượng trên Window) hoặc Mac Energy Saver Setting (Cài Đặt Tiết Kiệm Năng Lượng trên Mac).</li> <li>• Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.</li> </ul> |





# Sự Cố của Từng Sản Phẩm Cụ Thể

| Vấn đề   | Bạn trải nghiệm những gì  | Giải Pháp Khả Thi  |
|--|---|--|
| Ảnh màn hình quá nhỏ   | Hình ảnh ở giữa màn hình nhưng không dàn trải toàn bộ vùng hiển thị | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra cài đặt Tỷ lệ khung hình trong menu OSD Hiển thị.</li><li>• Cài đặt về mặc định.</li></ul>  |
| Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước           | OSD không xuất hiện trên màn hình                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.</li></ul>   |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng                               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở tiết kiệm năng lượng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li><li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li><li>• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.</li></ul> |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình                                 | Hình ảnh không dàn trải hết chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình  | <ul style="list-style-type: none"><li>• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.</li><li>• Chạy chức năng chẩn đoán tích hợp.</li></ul>   |




# Phụ Lục

## Các thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [https://www.dell.com/regulatory\\_compliance](https://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ với Dell

Nếu là khách hàng tại Mỹ, vui lòng gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355)

 **LƯU Ý: Nếu không có kết nối internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn hoặc catalog sản phẩm Dell.**

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Mức độ khả dụng khác nhau ở mỗi quốc gia và tùy theo từng sản phẩm, một số dịch vụ có thể không khả dụng tại khu vực của bạn.

**Để biết nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:**

Xem <https://www.dell.com/support/monitors>.

**Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:**

1. Truy cập <https://www.dell.com/support>.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu Chọn quốc gia/khu vực sổ xuống ở góc dưới phải của trang.
3. Nhấp Liên Hệ Với Chúng Tôi ở ngay bên cạnh danh sách quốc gia sổ xuống.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

## Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm:

S2721HGF: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/344765>

